

ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và mọi hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của: thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

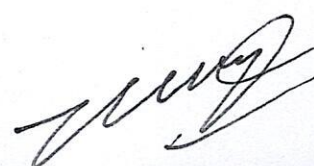
đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.



4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 quy định tại Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Luật Doanh nghiệp.

12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia họp tối thiểu là hai người.

13. Mức thù lao cho trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 48. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 5, Điều 46 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

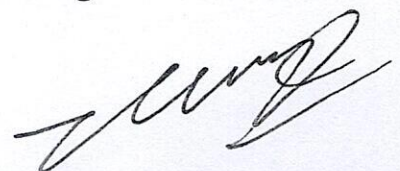
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Ban kiểm soát.

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Chương IX NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 51. Người lao động trong Công ty.

1. Được hưởng các quyền lợi theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Người lao động có quyền giám sát Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

- a) Hội nghị người lao động Công ty;
- b) Tổ chức Công đoàn Công ty;
- c) Thông qua việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động thông qua tổ chức công đoàn có quyền tham gia thảo luận góp ý kiến trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định các vấn đề sau:

a) Phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch, các giải pháp sắp xếp, tổ chức lại để phát triển sản xuất kinh doanh; sắp xếp và bố trí lao động trong Công ty;

b) Phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích hợp pháp khác;

c) Các nội quy, quy chế của doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo, đào tạo lại người lao động của Công ty;

đ) Nâng lương, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức và người lao động trong Công ty;

e) Giải quyết đơn thư khiếu nại của người lao động trong Công ty.

4. Ngoài ra người lao động trong Công ty có quyền:

a) Ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Thông qua thỏa ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể để đại diện Ban chấp hành Công đoàn ký với Tổng giám đốc Công ty;

c) Thông qua Nghị quyết Hội nghị người lao động;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Công ty đảm bảo các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty sử dụng hệ thống thang bảng lương theo quy định của nhà nước để làm cơ sở trả lương cho người lao động; xây dựng cơ chế trả lương phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của công việc và gắn với việc hoàn thành khối lượng, chất lượng công việc được giao cho từng công nhân.

Điều 52. Nghĩa vụ của người lao động.

1. Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký với công ty; Thỏa ước lao động tập thể, chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; các nội quy, quy chế của Công ty.

2. Người lao động phải thường xuyên học tập và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giỏi tay nghề để hoàn thành công việc được giao.

3. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương X KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

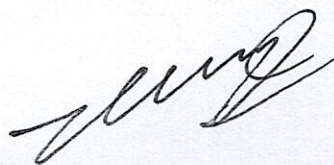
Điều 53. Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Điều 54. Hệ thống kế toán.

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam.

2. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động sản xuất kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.



3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 55. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ.

1. Việc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong sản xuất kinh doanh được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo quy định của Luật phá sản.

2. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Điều 56. Báo cáo hàng năm.

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Hội đồng quản trị lựa chọn.

4. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Chương XI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền, nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 58. Giải thể, chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật;
- b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Bất kỳ quyết định nào nhằm chấm dứt hoạt động của Công ty đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định này phải được gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi tiến hành theo thủ tục luật định.

Trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 59. Thanh lý.

1. Trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động;
- c) Thuế và các khoản phải nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIII

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 60. Tiếp nhận và công bố thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông không làm việc tại Công ty và thông báo cho các cổ đông đang làm việc tại Công ty qua các đơn vị trực thuộc và đồng thời công bố trên bảng tin của các đơn vị trực thuộc.

2. Mọi tổ chức, các nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thiết lập kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty. Tại văn phòng Công ty phải có hộp thư của Hội đồng quản trị và hộp thư của Ban kiểm soát để tiếp nhận thông tin của cổ đông bất kỳ thời điểm nào các cổ đông cho là cần thiết phải có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 61. Kế thừa.

Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh được bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng.

Điều 62. Con dấu.

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành.
2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất tham gia sửa đổi Điều lệ và Hội đồng quản trị phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiến bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 64. Điều khoản cuối cùng.

1. Bản điều lệ này gồm XIII Chương 64 Điều, được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty thông qua ngày/2022 và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - 01 bản nộp tại Phòng công chứng Hải Phòng.
 - 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định.
 - 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 3/5 tổng số thành viên thành viên Hội đồng quản trị mới giá trị./.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty



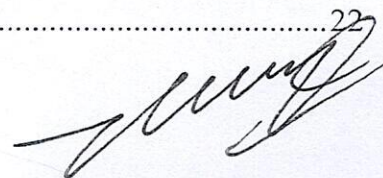
CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Văn Hùng

A large handwritten signature in black ink, likely of the Chairman of the Board of Directors, Phạm Văn Hùng.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ trong Điều lệ.....	1
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG, ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên và trụ sở của Công ty.....	2
Điều 3. Hình thức pháp lý và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
Điều 4. Mục tiêu; ngành nghề kinh doanh; phạm vi hoạt động của Công ty.....	3
CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ.....	6
Điều 5. Tổ chức Đảng, đoàn thể.....	6
CHƯƠNG V: VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG.....	7
MỤC 1: VỐN ĐIỀU LỆ.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ.....	7
MỤC 2: CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU.....	8
Điều 7. Cổ phần.....	8
Điều 8. Cổ phiếu.....	8
Điều 9. Chào bán cổ phần.....	9
Điều 10. Bán cổ phần.....	11
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 12. Thừa kế cổ phần.....	13
MỤC 3: CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 13. Cổ đông.....	13
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông.....	14
Điều 15. Quyền của cổ đông Công ty.....	14
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông.....	16
MỤC 4: CỔ TỨC.....	17
Điều 17. Chi trả cổ tức.....	17
CHƯƠNG VI: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.....	18
Điều 18. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.....	18
MỤC 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18
Điều 19. Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Các đại diện được ủy quyền.....	21
Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	22



Điều 23. Chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 25. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 26. Hình thức, điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	29
MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 29. Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	31
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	34
Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin	37
Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 36. Người đại diện theo pháp luật.....	38
CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC BỘ MÁY, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ	39
Điều 37. Tổ chức bộ máy	39
Điều 38. Cán bộ quản lý	39
Điều 39. Tổng giám đốc	39
Điều 40. Thư ký Hội đồng quản trị	42
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực, và trách các xung đột và quyền lợi của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.....	42
Điều 42. Công khai các lợi ích có liên quan.....	43
Điều 43. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận.....	44
Điều 44. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	45
Điều 45. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	46
CHƯƠNG VIII: BAN KIỂM SOÁT.....	46
Điều 46. Ban Kiểm soát.....	46
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	47
Điều 48. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	49
Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban Kiểm soát.....	49
Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Ban Kiểm soát.....	50
CHƯƠNG IX: NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY	50
Điều 51. Người lao động trong Công ty	50
Điều 52. Nghĩa vụ của người lao động.....	51

CHƯƠNG X: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY	51
Điều 53. Năm tài chính.....	51
Điều 54. Hệ thống kế toán	51
Điều 55. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ	52
Điều 56. Báo cáo hàng năm.....	52
CHƯƠNG XI: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	52
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	52
CHƯƠNG XIII: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN	53
Điều 58. Giải thể, chấm dứt hoạt động.....	53
Điều 59. Thanh lý	53
CHƯƠNG XIII. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	54
Điều 60. Tiếp nhận và công bố thông tin	54
Điều 61. Kế thừa.....	54
Điều 62. Con dấu	54
Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	55
Điều 64. Điều khoản cuối cùng	55



[Handwritten signature]